

Số: 21/2017/NQ-HĐQT.FECON

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

V/v Cập nhật, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần FECON;
- Căn cứ Khoản 13 Điều 1 Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ.FECON ngày 23/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 v/v ủy quyền toàn bộ cho HĐQT quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Căn cứ Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐQT.FECON ngày 13/04/2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần FECON v/v nâng giới hạn tỷ lệ sở hữu (room) của nhà đầu tư nước ngoài lên 75%.

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Bổ sung Khoản 5.9 vào Điều 5 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần FECON như sau:
- "5.9. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là 75% (bảy mươi lăm phần trăm)."
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Các ông/bà trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng/ban, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CBTT UBCKNN, HOSE;
- P. TC, Ban PCTK;
- Lưu HC.

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Việt Khoa

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
(FECON CORP.)
www.fecon.com.vn

MÃ SỐ: ĐL.01



Hà Nội, tháng 05 năm 2017

ĐIỀU 29. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ	30
ĐIỀU 30. CÁN BỘ QUẢN LÝ	30
ĐIỀU 31. BỒ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	30
ĐIỀU 32. THƯ KÝ CÔNG TY	31
CHƯƠNG IX.....	32
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	32
ĐIỀU 33. TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	32
ĐIỀU 34. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI.	32
ĐIỀU 35. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG	33
CHƯƠNG X.....	34
BAN KIỂM SOÁT	34
ĐIỀU 36. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	34
ĐIỀU 37. BAN KIỂM SOÁT.....	35
CHƯƠNG XI.....	36
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
ĐIỀU 38. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	36
CHƯƠNG XII	36
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	36
ĐIỀU 39. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36
CHƯƠNG XIII.....	37
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	37
ĐIỀU 40. CỔ TỨC.....	37
ĐIỀU 41. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
CHƯƠNG XIV	38
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	38
ĐIỀU 42. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG.....	38
ĐIỀU 43. TRÍCH LẬP QUỸ.....	38
ĐIỀU 44. NĂM TÀI CHÍNH	39
ĐIỀU 45. HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	39
CHƯƠNG XV	39
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	39
ĐIỀU 46. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, SÁU THÁNG, HÀNG QUÝ.....	39
ĐIỀU 47. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	40
CHƯƠNG XVI.....	40
KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
ĐIỀU 48. KIỂM TOÁN.....	40
CHƯƠNG XVII	40
CON DẤU	40
ĐIỀU 49. CON DẤU	40
CHƯƠNG XVIII.....	41
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CỦA CÔNG TY	41
ĐIỀU 50. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	41
ĐIỀU 51. TRƯỜNG HỢP BẾ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG.....	41
ĐIỀU 52. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG.....	41
ĐIỀU 53. THANH LÝ.....	42
CHƯƠNG XIX.....	43
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần FECON (dưới đây gọi là "**Công ty**") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được xây dựng căn cứ vào:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 (Sau đây gọi tắt là "**Luật Doanh nghiệp**") và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng,

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này sẽ được hiểu như sau:

- 1.1. "**Địa bàn Kinh doanh**" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.2. "**Vốn Điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty được quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
- 1.3. "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- 1.4. "**Ngày thành lập**" có nghĩa là ngày mà Công ty được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- 1.5. "**Ngày thay đổi đăng ký kinh doanh**" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi theo từng lần.
- 1.6. "**Cán bộ quản lý**" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng, và các vị trí khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn, có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định của Công ty.
- 1.7. "**Những người có liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.
- 1.8. "**Thời hạn hoạt động**" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại điều 2 của điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
- 1.9. "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.10. "**Đại hội đồng Cổ đông**" sau đây được gọi tắt là "ĐHĐCĐ"
- 1.11. "**Hội đồng Quản trị**" sau đây được gọi tắt là "HĐQT"
- 1.12. "**Ban Kiểm soát**" sau đây được gọi tắt là "BKS"

HDQT và quy định pháp luật liên quan. Công ty con được thành lập, hoạt động theo quy định tại Điều lệ của công ty con sau khi có quyết định phê chuẩn của HDQT của Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Chi nhánh và Văn phòng đại diện thực hiện theo Quy chế do HDQT phê chuẩn.

- 2.6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo điều 50.2 và điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 3. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mục tiêu hoạt động của Công ty: trở thành một tổ chức kiểu mới, giàu mạnh, bằng nỗ lực sáng tạo trong khoa học, kỹ thuật và công nghệ, làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại cho mọi thành viên của mình điều kiện phát triển đầy đủ nhất tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.

ĐIỀU 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty được quy định tại Phụ lục I của Điều lệ này. Khi xét thấy cần thiết, Công ty có thể tiến hành kinh doanh bất kỳ ngành nghề nào được pháp luật cho phép sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và thông báo hoặc đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 5. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

- 5.1. *Vốn điều lệ của Công ty được ghi nhận tại Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Vốn điều lệ của Công ty từ khi thành lập được quy định chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ được tự động điều chỉnh trong phụ lục khi hoàn thành các thủ tục pháp lý về việc điều chỉnh vốn theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được đăng ký với cơ quan Nhà nước. Mệnh giá của 01 cổ phần là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng/một cổ phần).*
- 5.2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần của Công ty và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần của Công ty, tại thời điểm người nắm giữ các trái phiếu nêu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua và Công ty sẽ phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt.
- 5.3. Công ty chỉ phát hành cổ phần ưu đãi nhân viên cho người lao động của Công ty.
- 5.4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và

- bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 6.7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 7. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

- 8.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 8.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được quyền biểu quyết, không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi của một cổ đông sở hữu cổ phần đó như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán v.v.
- 8.3. *Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.*
Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
Chỉ khi xác định được người thừa kế hoặc người quản lý tài sản hợp pháp (trong trường hợp không có người thừa kế) thì người đó mới được kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông đã chết. Quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ (nếu có).

ĐIỀU 9. THU HỒI CỔ PHẦN

- 9.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
- 9.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 9.3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, HĐQT có quyền thu hồi số cổ phần đó. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. HĐQT sẽ chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
- 9.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị

ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;

- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
 - j) Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên:
 - Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, ngoại trừ trường hợp quy định dưới đây:
 - Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên không được chuyển nhượng cho người khác kể từ ngày phát hành trong thời hạn tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi nhân viên, trừ trường hợp Công ty mua lại theo quy định dưới đây.
 - Nếu cổ đông không còn làm việc cho Công ty, Công ty có quyền mua lại theo giá phát hành toàn bộ số cổ phần ưu đãi của cổ đông đó tính tới thời điểm nghỉ việc cho Công ty. Trường hợp Công ty thực hiện quyền mua lại, nếu cổ đông đó không thực hiện việc chuyển nhượng lại cho Công ty thì Công ty tự làm thủ tục và thông báo cho cổ đông đó đến nhận tiền. Tại thời điểm Công ty mua lại, số cổ phần ưu đãi nhân viên này được giữ làm cổ phiếu quỹ và HĐQT có quyền quyết định tái phân phối những cổ phiếu này cho nhân viên Công ty với cùng mục đích ưu đãi hoặc bán ra thị trường, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy phù hợp.
- 11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
- a) Đề cử các thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 24.2, Điều 24 và Khoản 36.2 Điều 36 Điều lệ này;
 - b) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ;
 - c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 12. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Các Cổ đông của Công ty có các nghĩa vụ sau:

- 12.1. Tuân thủ điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- 12.2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- 12.3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 12.4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

- 13.3.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Đại hội đồng cổ đông bất thường được thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện cho trên 5% tổng số vốn biểu quyết triệu tập trong các trường hợp sau:
- Khi số lượng thành viên HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày phát sinh hiện tượng này.
 - Nếu HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - Nếu Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông đại diện cho trên 5% số vốn biểu quyết có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 14.1. *Trừ trường hợp pháp luật chứng khoán có quy định khác, ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau*
- Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;*
 - Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;*
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;*
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;*
 - Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.*
- 14.2. Ngoài các quyền quy định tại Khoản 1, ĐHĐCĐ còn có thẩm quyền thông qua các quyết định dưới đây:
- Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;*
 - Lựa chọn công ty kiểm toán;*
 - Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành.*
 - Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát;*
 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;*
 - Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;*

quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

15.5. *Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:*

- a) *Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;*
- b) *Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;*
- c) *Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;*
- d) *Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.*

ĐIỀU 16. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

16.1 Với sự chấp thuận của ĐHĐCĐ như được quy định tại Khoản 14.2, Điều 14 Điều lệ này khi vốn của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau, thì các quyền dành cho từng loại cổ phần có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

16.2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

16.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

16.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

- 17.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 17.5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 17.4 nêu trên trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.
 - Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.
- 17.6. *Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp (trường hợp Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp). Các trường hợp khác do người triệu tập cuộc họp chuẩn bị.*
- 17.7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- 18.1. *ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.*
- 18.2. *Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.*
- 18.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- 18.4. Theo đề nghị Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 17.4, Điều 17 của Điều lệ này.

ĐIỀU 19. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- 19.1. *Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.*

- 19.8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- 19.9. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội.
- 19.10. HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:
- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 19.11. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);
 - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.
- 19.12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Hàng năm Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 19a. HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 19a.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 19a.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp theo quy định của pháp luật hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:
- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
 - Định hướng phát triển Công ty;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty.

- 21.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- 21.4. *Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Công ty hoặc bằng fax, thư điện tử cho HĐQT với điều kiện bảo mật. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;*
- 21.5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua;
 - f) *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.*
- Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 21.6. *Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Trong trường hợp không công bố được trên website của Công ty thì Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu (trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác);*
- 21.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ

- 23.2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- 23.3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực pháp luật theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 24. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 24.1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- 24.2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
- 24.3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 24.4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 24.5. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- h) *Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp;*
- i) *Bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và giám đốc chức năng của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;*
- j) *Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;*
- k) *Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.*
- l) *Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.*
- m) *Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;*
- n) *Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;*
- 25.4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
- a) *Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;*
- b) *Thành lập các công ty con của Công ty;*
- c) *Trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch nêu tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các giao dịch và hợp đồng của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các hợp đồng dưới đây:*
- *các hợp đồng mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp; các hợp đồng liên doanh, liên kết dưới hình thức góp vốn đầu tư hoặc mua bán cổ phần tại doanh nghiệp khác.*
 - *các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;*
- d) *Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;*
- e) *Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;*
- f) *Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;*
- g) *Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.*
- h) *Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;*
- i) *Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;*
- j) *Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;*
- k) *Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.*
- l) *Các chương trình tài trợ (từ thiện), truyền thông, mở rộng phát triển doanh nghiệp, cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.*
- 25.5. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của

ĐIỀU 27. (ĐÃ BỊ BÀI BỎ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ.FECON)

ĐIỀU 28. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 28.1. *Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.*
- 28.2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 28.3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;*
 - Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;*
 - Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập;*
 - Kiểm toán viên độc lập.*
- 28.4. *Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 28.3. Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.*
- 28.5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 28.6. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 28.7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.
Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
- 28.12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng các phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ này hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.
- 28.13. Nghị quyết bằng văn bản:
Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.
- 28.14. *Biên bản họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.*
- 28.15. Các tiểu ban của HĐQT: HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
- 28.16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

- d) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
 - f) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
 - g) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
 - h) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - j) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.
 - k) *Quyết định các khoản chi ngoài dự toán, ngoài kế hoạch sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị.*
- 31.4. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 31.5. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Chủ tịch hay thành viên HĐQT nếu Chủ tịch hay thành viên HĐQT đó kiêm Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

ĐIỀU 32. THƯ KÝ CÔNG TY

- 32.1. HĐQT sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
- a) Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
 - b) Làm biên bản các cuộc họp
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát.
- 32.2. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- 34.5. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
- 34.6. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, pháp luật hiện hành và Nghị quyết của ĐHCĐ;
- 34.7. Thành viên HĐQT, Thành viên ban kiểm soát, TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các Doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; thông báo này phải được niêm yết tại trụ sở chính theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này của Công ty.
- 34.8. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ:
- a) Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
- b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý.
- 34.9. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm (i) và (ii) khoản 34.8 Điều này.
- 34.10 Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, TGD điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

ĐIỀU 35. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

- 35.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, TGD và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách không trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 35.2 Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty

- 36.3. Các thành viên của Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 36.4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 37. BAN KIỂM SOÁT

- 37.1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT;
 - Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;
 - Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- 37.2. Thành viên của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.
- 37.3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
- 37.4. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích

- 39.3 Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động Công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và có khả năng hoàn thành công việc mà Công ty cần. (Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc Công ty sẽ cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng).
- 39.4 Ưu tiên tuyển chọn con em Cổ đông của Công ty nhưng phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn đề ra.
- 39.5 Trong trường hợp người được thừa kế muốn được thay thế làm việc, người đó cũng phải có đủ tiêu chuẩn quy định mới được thay thế.
- 39.6 Tiền lương, các khoản tiền thưởng và phụ cấp đối với người lao động, thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động và căn cứ vào quy chế phân phối thu nhập, hiệu quả sản xuất hoạt động xuất kinh doanh của Công ty.
- 39.7 Tùy tình hình thực tế và phù hợp với quy định pháp luật, Công ty có thể trích một tỷ lệ nhất định trong quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH để lập quỹ trợ cấp mất việc làm cho người lao động.
- 39.8 Người lao động trong Công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của bản điều lệ này và bản thoả ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan Lao động địa phương theo qui định của Pháp luật lao động
- 39.9 Người lao động được thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ luật lao động và pháp luật hiện hành.
- 39.10 Người lao động phải chấp hành đầy đủ những thoả thuận trong hợp đồng lao động đã ký kết với người sử dụng lao động và điều lệ, nội quy, kỷ luật của Công ty và pháp luật nhà nước. Người vi phạm tùy theo mức độ nặng nhẹ đều bị xử lý kỷ luật, bồi thường vật chất theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 40. CỔ TỨC

- 40.1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- 40.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 40.3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 40.4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- 40.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép

công ty. Hội đồng quản trị trình mức trích lập cụ thể cho Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

- c) Các quỹ khác nếu có do HĐQT Công ty kiến nghị và được ĐHĐCĐ Công ty phê chuẩn hàng năm.

ĐIỀU 44. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) đó.

ĐIỀU 45. HỆ THỐNG KẾ TOÁN

- 45.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 45.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 45.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 46. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, SÁU THÁNG, HÀNG QUÝ

- 46.1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 46.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính
- 46.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 46.4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo

- do HĐQT Công ty ban hành. Con dấu không được phép sử dụng vào các mục đích không liên quan đến hoạt động của Công ty, không phục vụ cho lợi ích của Công ty.
- 49.3. Khi có thay đổi về nhân sự chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, TGD) con dấu phải được bàn giao ngay lập tức cho các nhân sự chủ chốt mới. Người nào quản lý, sử dụng con dấu trái quy định của Công ty hoặc không chuyển giao con dấu cũng như những tài liệu quan trọng khác của Công ty dẫn đến cản trở hoạt động của Công ty sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
- 49.4 TGD sẽ quy định việc sử dụng con dấu của các chi nhánh, văn phòng đại diện.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 50. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

- 50.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
- a) Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b) Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua ủy quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty.
 - c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 50.2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 51. TRƯỜNG HỢP BÉ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG.

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- 51.1. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.
- 51.2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- 51.3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

ĐIỀU 52. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG.

- 52.1. HĐQT sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT.
- 52.2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

- 53.5.3 Các thành viên khác có quyền yêu cầu phá sản theo qui định của Luật phá sản. Trình tự và thủ tục phá sản thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 54. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

- 54.1 Mọi tranh chấp liên quan đến hoạt động của Công ty giữa (i) các Cổ đông Công ty hoặc (ii) giữa cổ đông với HĐQT, BKS, TGD hoặc các cán bộ quản lý cao cấp khác hoặc (iii) giữa cổ đông với Công ty được giải quyết trước hết bằng thương lượng hoà giải giữa các bên tranh chấp. Trường hợp không thương lượng, hoà giải được thì một bên hay các bên sẽ đưa vụ việc ra Ban hoà giải.
- 54.2 Ban hoà giải gồm 03 chuyên gia pháp lý không phải là cổ đông Công ty hoặc người thân thuộc của bất cứ cổ đông Công ty nào có liên quan đến tranh chấp đó.
- a) Tất cả các thành viên HĐQT và BKS Công ty, ngoại trừ các thành viên là một bên hoặc các bên có tranh chấp, cử ra các thành viên Ban hoà giải sau khi họp đồng ý bằng văn bản.
- b) Trong vòng 30 ngày kể từ khi có Biên bản thành lập Ban hoà giải do các thành viên của HĐQT và BKS Công ty ký, Ban hoà giải phải đưa ra quyết định hoà giải về vụ việc tranh chấp sau khi đã tiến hành hoà giải, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 45 ngày. Thù lao thành viên Ban hoà giải do Công ty đài thọ 30% và các bên tranh chấp đài thọ theo nguyên tắc phân chia đều nhau phần còn lại.
- c) HĐQT và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm tạo các điều kiện để Ban hoà giải làm việc.
- 54.3 Quyết định của Ban hoà giải có hiệu lực bắt buộc với các bên tranh chấp. Việc xem xét lại hoặc công nhận Quyết định của Ban hoà giải tại Toà án trong mọi trường hợp đều do bên không tuân theo quyết định của Ban hoà giải chịu án phí.
- 54.4 Tranh chấp giữa Cổ đông Công ty và người chưa phải Cổ đông hoặc đã thôi tư cách Cổ đông Công ty trong việc mua bán Cổ phiếu, Cổ phần của Công ty cũng sẽ được Ban hoà giải giải quyết nếu người không phải Cổ đông Công ty đồng ý triệu tập Ban hoà giải. Các điều khoản trên cũng được áp dụng tương tự trong trường hợp này.
- 54.5. Nếu Cổ đông tranh chấp là Chủ tịch HĐQT Công ty thì Cổ đông đó phải từ chức Chủ tịch HĐQT Công ty (nhưng không phải từ chức thành viên HĐQT Công ty).
- 54.6 Tranh chấp giữa cổ đông trong Công ty và Công ty nếu không hoà giải được sẽ được đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) để giải quyết theo quy tắc trọng tài của VIAC. Quyết định của Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế là chung thẩm có giá trị pháp lý bắt buộc giữa các bên. Mọi chi phí trọng tài do bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.

CHƯƠNG XX CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 55. CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

- 55.1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau:
- a) Điều lệ Công ty kể cả bản bổ sung và/hoặc sửa đổi;

ngay sau khi quy định pháp luật đó được ban hành. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT có trách nhiệm sửa đổi bổ sung Điều lệ này để trình ĐHĐCĐ gần nhất phê duyệt áp dụng cho phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 59. SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

- 59.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
- 59.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 60. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 60.1 Các điều khoản của Điều lệ này có thể được sửa đổi bổ sung theo nghị quyết của ĐHĐCĐ các lần tiếp theo.
Trường hợp có sự khác biệt căn bản giữa Điều lệ này với các quy định mang tính chất bắt buộc của pháp luật chứng khoán thì thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- 60.2 Điều lệ này ràng buộc các lợi ích và nghĩa vụ đối với những người thừa kế và người được chuyển nhượng sau này của Công ty.
- 60.3 HĐQT, TGD, bộ máy giúp việc và các phòng, ban trong Công ty có liên quan trong phạm vi thẩm quyền của mình thực hiện việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ để hướng dẫn thi hành Điều lệ này nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ này.

ĐIỀU 61. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

- 61.1 *Bản Điều lệ này gồm 23 Chương, 61 Điều và có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 05 năm 2017.*
- 61.2 Điều lệ này là duy nhất và chính thức được áp dụng của Công ty và được lập 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau lưu tại trụ sở chính của Công ty. Trong quá trình giao dịch với đối tác, nếu xét thấy cần thiết, TGD có quyền quyết định việc dịch Điều lệ này sang ngôn ngữ khác để phục vụ lợi ích của Công ty. Nếu có nội dung khác nhau giữa hai ngôn ngữ, thì bản tiếng Việt có giá trị ưu tiên sử dụng.
- 61.3 *Các bản trích lục hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc mới có giá trị.*

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng Giám đốc

TRẦN TRỌNG THẮNG

	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng đường hầm. - Xây dựng công trình công nghiệp; - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, ... đập và đê; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.
3.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
4.	<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam - Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Thí nghiệm kiểm tra tính nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng pháp pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT); - Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA). - Môi giới chuyển giao công nghệ; - Tư vấn chuyển giao công nghệ; - Đánh giá công nghệ; - Xúc tiến chuyển giao công nghệ.
5.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
6.	Xây dựng nhà các loại.
7.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
8.	Hoàn thiện công trình xây dựng.
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
10.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
11.	Khai thác quặng sắt.
12.	<p>Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.</p> <p>Chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crom, niken, coban, Molybden, tantal, vanadi.</p>
13.	<p>Khai thác quặng kim loại quý hiếm.</p> <p>Chi tiết: Vàng, bạc, bạch kim (không bao gồm kinh doanh vàng miếng).</p>
14.	<p>Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.</p> <p>Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất chưa được phân vào đâu.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
31.	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.</p>
32.	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Khảo sát địa chất công trình. - Đo đạc bản đồ
33.	<p>Sản xuất linh kiện điện tử.</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất tụ điện, điện tử; - Sản xuất điện trở, điện tử; - Sản xuất bộ mạch vi xử lý; - Sản xuất bộ mạch điện tử; - Sản xuất liên kết điện tử; - Sản xuất mạch điện tích hợp; - Sản xuất tinh thể điện tử và lắp ráp tinh thể; - Sản xuất solenoit, bộ chuyển mạch và bộ chuyển đổi cho các bộ phận điện tử; - Sản xuất cáp, máy in, cáp màn hình, cáp USB.
34.	<p>Sản xuất thiết bị truyền thông.</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu và điện thoại được sử dụng để chuyển tín hiệu điện tử thông qua dây dẫn hoặc không khí như đài phát thanh và trạm vô tuyến và các thiết bị truyền thông không dây; - Sản xuất thiết bị chuyển mạch văn phòng trung tâm; - Sản xuất điện thoại không dây; - Sản xuất thiết bị đổi nhánh riêng (PBX); - Sản xuất điện thoại và máy fax, bao gồm máy trả lời điện thoại; - Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu, như cầu, đường, cổng ra vào; - Sản xuất ăngten thu phát; - Sản xuất thiết bị cáp vô tuyến; - Sản xuất máy nhắn tin; - Sản xuất điện thoại di động; - Sản xuất thiết bị truyền thông di động;

PHỤ LỤC II

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY TỪ KHI THÀNH LẬP
(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần FECON)

STT	THỜI ĐIỂM THAY ĐỔI	VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)	GHI CHÚ
1	18/06/2004	5.000.000.000	
2	30/06/2006	10.000.000.000	
3	04/10/2007	50.000.000.000	
4	16/09/2009	88.000.000.000	
5	01/07/2010	107.000.000.000	
6	04/11/2011	128.400.000.000	
7	24/02/2012	138.051.620.000	
8	11/01/2013	165.663.280.000	
9	30/09/2013	397.591.180.000	
10	22/05/2014	457.228.540.000	
11	10/10/2016	477.228.540.000	
12	07/02/2017	494.994.220.000	

